TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 06 - 5 - 2025
V/v Tranh chấp chia
tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Lư Thị Ý N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

** Bị đơn:* Ông Lê Minh L, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phan Hoàng Bi, sinh năm 1959; Địa chỉ: đường Hải Thượng Lãn Ông, khóm 6, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 13/12/2024, vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Thạch Thị B, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Hòa, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 14, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:*Bà Lư Thị Ý N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lư Thị Ý N trình bày:

Bà và ông Lê Minh L được Toà án nhân dân huyện U giải quyết ly hôn từ năm 2018. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 129/2018/HNGĐ-ST, ngày 01/10/2018 của Toà án nhân dân huyện U có nhận định và đề cập đến phần đất mà bà và ông Lê Minh L đã cố của bà Thạch Thị B 07 công đất vuông vào năm 2015 với số vàng là 28 chỉ vàng 24k đến năm 2020 mới hết hạn cố đất và phần đất trên từ khi ly hôn đến nay ông Lê Minh L đang quản lý sử dụng. Nay hợp đồng cố đất đã hết hạn mà bà Thạch Thị B không chuộc lại đất, ông Lê Minh L không chia cho bà số vàng trên vì số vàng cố đất là tài sản chung của bà và ông L. Do đó bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Minh L có nghĩa vụ trả cho bà ½ số vàng cố đất là 28 chỉ vàng 24k. Bà xác định số vàng cố đất là do cha chồng bà là ông Lê Minh T và chồng bà là ông Lê Minh L đưa cho bà Thạch Thị B, khi làm giấy cố đất bà không có mặt không có tham gia cùng, do nghĩ là vợ chồng và ở chung với cha mẹ chồng thì để cho cha và chồng đi làm giấy tờ. Số vàng cố đất là của vợ chồng bà có được do ông L đi làm dành dụm mà có và hỏi vay của cha bà là ông Lư Văn Vui số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này ông L đã trả cho cha bà xong.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Minh L trình bày:*

Vào ngày 01/9/2015, cha ông là ông Lê Minh T và ông có bàn bạc nhờ chính quyền ấp 7 xã Khánh Hoà làm giấy cầm cố đất giữa cha ông và ông với bà Thạch Thị B, sinh năm 1965 quê quán ấp 7, xã Khánh Hoà, huyện U, tỉnh Cà Mau. Trong giấy cầm cố có ghi rõ đất của bà Thạch Thị B là 8.810 m2, số vàng cầm cố là 28 chỉ vàng 24k, số vàng cầm cố đất nói trên là của ông Lê Minh T giao cho bà Thạch Thị B. Ông là con út ở chung trong hộ gia đình, vì lẽ đó ông Lê Minh T mới giao số vàng nói trên cho bà Thạch Thị B để cho ông nhận đất canh tác, sinh lợi nuôi vợ con (con dâu và cháu nội ông T). Thời gian 05 năm sau bà B có giao lại 28 chỉ vàng 24k để chuộc lại đất cầm cố thì bà B sẽ giao lại cho ông Lê Minh T vì đây là tài sản của ông T. Bà Lư Thị Ý N yêu cầu ông trả cho bà N ½ số vàng cố đất bằng 14 chỉ vàng 24k thì ông không chấp nhận vì đây không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà đây là tài sản của cha ông là ông Lê Minh T cố đất cho ông làm. Vì thời điểm năm 2012 lương của ông cũng không có bao nhiêu, vợ chồng ông cũng có tích luỹ có mua một số nền nhà và đã chia cho bà N xong, còn phần vàng cố đất là của ông Lê Minh T tích luỹ đưa ra cho ông cố đất để làm nuôi cháu nội không phải là tài sản

của vợ chồng ông. Bà N cho rằng khi cố đất vợ chồng có vay mượn của ông Lư Văn Vui cha bà N là không có. Phần đất này hiện nay bà Thạch Thị B vẫn chưa chuộc lại nên gia đình ông vẫn đang canh tác.

Tại phiên toà ông Lê Minh L xác định vợ chồng ông có số vàng 14 chỉ 24k như bà N trình bày là đúng nhưng khi chung sống đã mua đất mua nền nhà và tại bản án xử lý hôn vào năm 2018, ông đã chia cho bà N xong ông cũng không có mượn tiền của cha bà N như bà N trình bày. Số vàng cố đất là khi cha ông nghĩ hưu lãnh tiền trợ cấp có được mới mua vàng và tích góp để cố phần đất của bà Thạch Thị B cho ông canh tác nuôi gia đình, không phải là vàng của ông và bà N nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà N.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T trình bày:*

Vào ngày 01/9/2015 ông có làm giấy cầm cố đất với bà Thạch Thị B, tổng diện tích là 8.810 m2 với số vàng là 2.8 lương vàng 24k (28 chỉ), số vàng trên là ông trực tiếp giao cho bà Thạch Thị B, ông để cho con ông là Lê Minh L đứng tên trong "giấy cầm cố đất", ông là cha ruột của ông L nên ông bỏ vàng ra để cố đất của bà B cho con làm nuôi sống vợ con. Sau này bà B chuộc lại đất thì trả vàng lại cho ông. Số vàng trên có được là vào năm 2010 khi ông về hưu ông được lãnh một lần sau đó ông tiết kiệm mua vàng, ông không đồng ý với yêu cầu của bà Lư Thị Ý N đòi chia phần vàng này vì đây là tài sản của ông.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị B trình bày:* Trước đây bà có một phần đất tại ấp 7, xã Khánh Hoà, huyện U, tỉnh Cà Mau, do chồng bà bệnh nên bà có đến gặp ông T để kêu cố phần đất, nhưng khi làm giấy cầm cố đất ngày 01/9/2015 thì do người ghi giấy cầm cố đất ghi là cố đất cho ông Lê Minh L nhưng thực tế là bà cố đất cho ông Lê Minh T. Ông T cũng là người trực tiếp giao cho bà số vàng cố đất 28 chỉ vàng 24k. Hiện nay đã hết thời hạn cố đất theo như thoả thuận nhưng do bà lớn tuổi, đau bệnh không có vàng để chuộc lại phần đất cố nên đồng ý để cho gia đình ông T tiếp tục canh tác phần đất nói trên, khi nào bà có vàng thì sẽ trả lại cho ông T để chuộc đất.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị Ý N về việc yêu cầu ông Lê Minh L chia ½ số vàng cố đất là 14 chỉ vàng 24k.

Ngày 20/01/2025, bà Lư Thị Ý N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Bà Lư Thị Ý N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận:

Bà Lư Thị Ý N trình bày: Bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Minh L có nghĩa vụ trả cho bà ½ số vàng cố đất là 14 chỉ vàng 24k, đây là tài sản chung của vợ chồng bà.

Ông Lê Minh L trình bày: Vợ chồng ông không có vàng để cố đất như bà N trình bày, số vàng 28 chỉ vàng 24k để cố đất là của cha ông là ông Lê Minh T, do đó, ông không chấp nhận kháng cáo của bà N, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Lê Minh T trình bày: Số vàng 2,8 lượng vàng 24k (28 chỉ) là tài sản của ông, ông để cho con ông là Lê Minh L đứng tên trong "giấy cầm cố đất" với lý do ông là cha ruột của ông L nên ông bỏ vàng ra để cố đất của bà B, mục đích là cho ông L canh tác có thu nhập nuôi sống vợ con, do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của bà N đòi chia phần vàng này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lư Thị Ý N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lư Thị Ý N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là số vàng 28 chỉ vàng 24k dùng để cầm cố phần đất tại ấp 7, xã Khánh Hòa, huyện U, tỉnh Cà Mau. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Năm 2015, ông Lê Minh L có đứng tên trên Giấy cầm cố đất với số vàng là 28 chỉ vàng 24k nên bà N yêu cầu ông L chia cho bà ½ số vàng dùng để cố đất là 14 chỉ vàng 24k. Quá trình giải quyết vụ án, ông L, ông T đều xác định số vàng 28 chỉ vàng 24k dùng để cố phần đất diện tích 8.810m^2 tại ấp 7, xã Khánh Hòa, huyện U, tỉnh Cà Mau là của ông T, tại Giấy cầm cố đất ngày 01/9/2015 thể hiện ông T là người giao vàng cho bà B.

[2.2] Xét về nguồn gốc số vàng 28 chỉ vàng 24k dùng để cầm cố phần đất của bà B:

[2.2.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông L xác định số vàng cố đất là của ông Lê Minh T (cha ruột ông L) đưa ra để cố đất, ông L chỉ đứng tên trên hợp đồng cố đất. Ông T xác định số vàng cố đất là của ông T do ông T nghỉ hưu nhận được một khoản tiền, ông T đã dùng vào việc mua vàng. Lời trình bày của ông T phù hợp với xác nhận của một số người ở địa phương khi nghe sự việc trên như lời trình bày của ông Lê Minh Độ tại giấy xác nhận 06/12/2024 và ông Nguyễn Quốc Trung tại xác nhận ngày 10/12/2024 có chứng thực của Uỷ ban nhân dân xã Khánh Hoà, huyện U

là những người có mặt chứng kiến việc làm hợp đồng cầm cố đất giữa ông Lê Minh L với bà Thạch Thị B.

[2.2.2] Theo lời trình bày của bà N số vàng dùng để cố đất là tài sản chung của bà và ông L. bà N xác định số vàng cố đất có được từ 14 chỉ vàng cưới của bà N và cha bà N có đi vay 50.000.000 đồng đưa cho ông L để mua vàng. Ông L xác định số vàng cha mẹ hai bên cho khi cưới đã mua đất và đã chia cho bà N xong tại bản án hôn nhân số 129/2018/HNGĐ-ST ngày 01/10/2018 của Toà án nhân dân huyện U. Tại phiên toà bà N không trình bày được số vàng cho trong ngày cưới đã sử dụng bao nhiêu trong việc nhận chuyển nhượng hai phần đất và cho bà Tuyết mượn 05 chỉ vàng,

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà N xác định do cha bà N vay dùm và đưa số tiền trên cho ông L, nhưng ông L không thừa nhận có nhận số tiền trên, bà N cũng không xác định được số tiền trên đã mua được bao nhiêu vàng. Số tiền trên đã được trả lại cho cha bà N bằng cách nào, khi các đương sự yêu cầu chia tài sản tại Bản án số 129/2018/HNGĐ-ST ngày 01/10/2018 cũng không ai đặt ra về việc có vay 50.000.000 đồng vào năm 2015.

[2.2.3] Tại phiên toà phúc thẩm, bà N xác định sau khi cố đất về thì bà N giữ giấy cố cố đất nhưng trong giấy cố đất có thể hiện rõ số vàng cố đất là do ông T giao cho bà B. Bà N cũng không có ý kiến gì về vấn đề này thể hiện bà N mặt nhiên thừa nhận. Nếu việc cố đất của bà B là vàng của bà N ông L thì vì sao ông bà không tự đi làm thủ tục cố đất mà phải để ông T đi cố đất và trực tiếp giao vàng. Trong khi, bà N ông L đã từng cố một phần đất của người khác nên thủ tục cố đất ở địa phương ông L bà N đã biết thực hiện. Do đó, việc ông T xác định vàng cố đất là của ông T bỏ ra là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, án sơ thẩm xác định vàng cố đất là của ông T, không phải là tài sản chung của bà N ông L nên không chia cho bà N là có căn cứ. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lư Thị Ý N.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2025/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lư Thị Ý N về việc yêu cầu ông Lê Minh L chia ½ số vàng cố đất là 14 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lư Thị Ý N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ngày 30/7/2024, bà N đã nộp tạm ứng số tiền 2.611.000 đồng (lai thu số 0006640) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí, bà Lư Thị Ý N được nhận lại số tiền 2.311.000 (Hai triệu ba trăm mười một nghìn) đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lư Thị Ý N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ngày 24/01/2025, bà N đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai thu số 0006925) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào